TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/KDTM-ST
Ngày: 05-9-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Xẹt

2. Ông Võ Hoàng Phi Vân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh, thương mại thụ lý số 70/2023/TLST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2023 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 7 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2023/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH X; địa chỉ: Lô A, đường C, khu công nghiệp T, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ: tổ E, khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: tổ D, khu phố D, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 16/5/2023). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: thửa đất số 485, tờ bản đồ số 07, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Kim H – chức danh: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2023, các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn X (sau đây gọi là Công ty X) và Công ty trách nhiệm hữu hạn S (sau đây gọi là Công ty S) thỏa thuận bên mua, hàng hóa

là mút xốp các loại từ năm 2019 đến hết năm 2021 việc mua bán hàng hóa giữa hai bên diễn ra thuận lợi, đảm bảo quyền, lợi ích giữa hai bên. Trên cơ sở đó trong năm 2022 và năm 2023 giữa hai bên tiếp tục ký Hợp đồng số XH2022-010 ngày 03/01/2022 và XH23-021 ngày 03/01/2023.

Thực hiện theo thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế số: XH2022-010 ngày 03/01/2022 và XH23-021 ngày 03/01/2023 từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2023 Công ty X đã nhiều lần bán hàng hóa cho Công ty S và hàng tháng Công ty X đều có xuất Hóa đơn giá trị gia tăng để yêu cầu Công ty S thanh toán, cụ thể:

1- Hóa đơn số 0001099 ngày 21/01/2022 số tiền 750.157.448 đồng;

2- Hóa đơn số 0001148 ngày 25/02/2022 số tiền 418.012.807 đồng;

3- Hóa đơn số 0001193 ngày 26/3/2022 số tiền 683.739.308 đồng;

4- Hóa đơn số 27 ngày 27/4/2022 số tiền 436.052.291 đồng;

5- Hóa đơn số 75 ngày 27/5/2022 số tiền 603.748.455 đồng;

6- Hóa đơn số 98 ngày 24/6/2022 số tiền 336.281.361 đồng;

7- Hóa đơn số 142 ngày 27/7/2022 số tiền 134.950.817 đồng;

8- Hóa đơn số 166 ngày 24/8/2022 số tiền 79.841.136 đồng;

9- Hóa đơn số 212 ngày 27/9/2022 số tiền 228.942.170 đồng;

10- Hóa đơn số 249 ngày 27/10/2022 số tiền 280.716.463 đồng;

11- Hóa đơn số 289 ngày 28/11/2022 số tiền 130.377.041 đồng;

12- Hóa đơn số 329 ngày 28/12/2022 số tiền 319.490.147 đồng;

13- Hóa đơn số 27 ngày 27/02/2023 số tiền 364.723.664 đồng;

14- Hóa đơn số 64 ngày 28/3/2023 số tiền 443.626.817 đồng;

15- Hóa đơn số 107 ngày 24/4/2023 số tiền 191.078.375 đồng.

Tổng số tiền hàng là 5.401.738.300 đồng.

Theo thoả thuận tại Hợp đồng số XH2022-010 ngày 03/01/2022 thì thời hạn thanh toán sau 90 ngày và tại Hợp đồng số XH23-021 ngày 03/01/2023 thì sau 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng giao hàng Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X1 100% giá trị hàng đã giao. Công ty S chỉ thực hiện thanh toán được số tiền 1.168.170.255 đồng, cụ thể:

- Ngày 07/7/2022, thanh toán số tiền 300.000.000 đồng của một phần hoá đơn số 0001099 ngày 21/01/2022;

- Ngày 26/9/2022, thanh toán số tiền 450.157.448 đồng là phần còn lại của hoá đơn số 0001099 ngày 21/01/2022;

- Ngày 28/10/2022 thanh toán số tiền 200.000.000 đồng của một phần hoá đơn số 0001148 ngày 25/02/2022;

- Ngày 29/11/2022, thanh toán số tiền 218.012.807 đồng là phần còn lại của hoá đơn 0001148 ngày 25/02/2022;

Số tiền nợ còn lại là 4.233.568.045 đồng. Công ty X yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền nợ gốc là 4.233.568.045 đồng.

2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn S phải thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền lãi suất tương ứng với số tiền chậm thanh toán của từng hóa đơn theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng thương mại tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm Toà án xét xử vụ án tạm tính là ngày 30/9/2023, cụ thể như sau:

BẢNG TÍNH LÃI SUẤT CHẬM THANH TOÁN NHƯ SAU:

Số Hoá đơn	Số tiền chậm thanh toán	Ngày xuất hoá đơn	Ngày đến hạn thanh toán	Thời hạn chậm thanh toán	Lãi suất %/tháng	Tiền lãi suất chậm thanh toán
0001193	683.739.308	26/3/2022	30/6/2022	15 tháng	1.2	123.073.075
27	463.052.291	27/4/2022	30/7/2022	14 tháng	1.2	77.792.784
75	603.748.455	27/5/2022	30/8/2022	13 tháng	1.2	94.184.758
98	336.281.361	24/6/2022	30/9/2022	12 tháng	1.2	48.424.515
142	134.950.817	27/7/2077	30/10/2022	11 tháng	1.2	17.813.507
166	79.841.136	24/8/2022	30/11/2022	10 tháng	1.2	9.580.936
212	228.942.170	27/9/2022	30/12/2022	9 tháng	1.2	24.701.378
249	280.716.463	27/10/2022	30/01/2023	8 tháng	1.2	26.948.780
289	130.377.041	28/11/2022	28/02/2023	7 tháng	1.2	10.951.671
329	319.490.147	28/12/2022	30/3/2023	6 tháng	1.2	23.003.290
27	364.723.664	27/02/2023	30/3/2023	6 tháng	1.2	26.260.103
64	443.626.817	28/3/2023	30/4/2023	5 tháng	1.2	26.617.609
107	191.078.375	24/4/2023	30/5/2023	4 tháng	1.2	9.171.762
Tổng = 518.524.168 đồng						

Tổng cộng: 4.752.092.213 đồng (nợ gốc 4.233.568.045 đồng và lãi suất 518.524.168 đồng).

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày trong quá trình tố tụng bị đơn đã thanh toán số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 25/7/2023 và ngày 28/8/2023 nên nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc là 400.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc còn lại là 3.833.568.045 đồng. Đối với tiền nợ lãi theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu là 518.524.168 đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi số tiền nợ lãi

tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ cho đến thời điểm Toà án xét xử vụ là ngày 05/9/2023 là 425.888.059, cụ thể như sau:

BẢNG TÍNH LÃI SUẤT CHẬM THANH TOÁN NHƯ SAU:

Số Hoá đơn	Số tiền chậm thanh toán	Ngày xuất hoá đơn	Ngày đến hạn thanh toán	Thời hạn chậm thanh toán	Lãi suất %/tháng	Tiền lãi suất chậm thanh toán
0001193	683.739.308	26/3/2022	26/7/2022	12 tháng 26/7/2023 thanh toán 200.000.000	1.2	98.458.460
	483.739.308		26/7/2023	1 tháng 28/8/2023 thanh toán 200.000.000	1.2	5.804.871
	283.739.308		28/8/2023			
27	463.052.291	27/4/2022	30/8/2022	12 tháng	1.2	66.679.529
75	603.748.455	27/5/2022	30/9/2022	11 tháng	1.2	79.694.796
98	336.281.361	24/6/2022	30/10/2022	10 tháng	1.2	40.353.763
142	134.950.817	27/7/2077	30/11/2022	9 tháng	1.2	14.574.688
166	79.841.136	24/8/2022	30/12/2022	8 tháng	1.2	7.664.749
212	228.942.170	27/9/2022	30/01/2022	7 tháng	1.2	19.231.142
249	280.716.463	27/10/2022	30/02/2023	6 tháng	1.2	20.211.585
289	130.377.041	28/11/2022	28/03/2023	5 tháng	1.2	7.822.622
329	319.490.147	28/12/2022	30/4/2023	4 tháng	1.2	15.335.527
27	364.723.664	27/02/2023	05/4/2023	5 tháng	1.2	21.883.419
64	443.626.817	28/3/2023	05/5/2023	4 tháng	1.2	21.294.087
107	191.078.375	24/4/2023	05/6/2023	3 tháng	1.2	6.878.821
Tổng = 425.888.059 đồng						

Tổng cộng: 4.259.456.104 đồng (nợ gốc 3.833.568.045 đồng, nợ lãi suất 425.888.059 đồng).

Bị đơn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến gửi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Về nội dung: Thực hiện Hợp đồng kinh tế số XH2022-010 ngày 03/01/2022 và số XH23-021 ngày 03/01/2023, từ tháng 01/2022 đến tháng 04/2023 Công ty X và Công ty S đã giao nhận hàng hóa theo 15 hóa đơn với số tiền 5.401.738.300 đồng. Tại hợp đồng ngày 03/01/2022 thì sau 90 ngày và tại hợp đồng ngày 03/01/2023 thì sau 30 ngày kể từ khi kết thúc tháng giao hàng Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty X 100% giá trị hàng đã giao. Công ty S đã thanh toán số tiền 1.168.170.255 đồng còn nợ 4.233.568.045. Ngày 25/7/2023 và ngày 28/8/2023 Công ty S thanh toán 400.000.000 đồng còn nợ 3.833.568.045 đồng. Nguyên đơn cung cấp các chứng từ về việc gửi hóa đơn VAT điện tử cho bị đơn và sao kê chi tiết các giao dịch chuyển khoản thanh toán của bị đơn cho nguyên đơn. Như vậy có căn cứ xác định bị đơn có mua bán hàng hóa của nguyên đơn và vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ gốc còn lại 3.833.568.045 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về thời gian tính lãi suất chậm trả: Từ tháng 7/2020, Công ty X Hụi xuất hoá đơn điện tử trên phần mền kế toán và gửi cho khách hàng qua địa chỉ email do khách hàng cung cấp là hongtam79@gmail.comNguyên đơn tính lãi suất như trên thấp hơn quy định trong hợp đồng và phù hợp theo Điều 55 Luật **ương**"Thương mại có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu mức tính lãi chậm thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất chậm 14,4%/năm trên từng hóa đơn với số tiền là 425.888.059 đồng là thấp **ơn**"hơn mức quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 306 Luật **ương**"Thương mại và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận.

Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện thanh toán nợ gốc số tiền 400.000.000 đồng nên đình chỉ giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Công ty TNHH X khởi kiện Công ty TNHH S liên quan đến hợp đồng mua bán hàng hóa nên quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty TNHH S có trụ sở tại thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng nên Tòa án đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Hai bên ký kết Hợp đồng kinh tế số XH2022-010 ngày 03/01/2022 và Hợp đồng kinh tế số XH23-021 ngày 03/01/2023 thỏa thuận nguyên đơn bán cho bị đơn mút xốp các loại, số lượng và đơn giá theo thỏa thuận giữa hai bên. Hai bên ký kết hợp đồng là tự nguyện đúng quy định pháp luật nên có hiệu lực pháp luật. Thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao hàng theo đơn đặt hàng và xuất 15 hóa đơn với tổng số tiền hàng 5.401.738.300 đồng. Bị đơn đã thanh toán số tiền 1.568.170.225 còn nợ 3.833.568.075 đồng. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền nợ gốc là có căn cứ chấp nhận.

[5] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng ngày 03/01/2022, hai bên thỏa thuận "*Sau khi Bên A gửi bảng đối chiếu công nợ và hóa đơn tài chính cho Bên B. Thanh toán trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày giao hàng và nhận được hóa đơn tài chính, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*." Tại hợp đồng ngày 03/01/2023 hai bên thỏa thuận "*Sau khi Bên A gửi bảng đối chiếu công nợ và hóa đơn tài chính cho Bên B. Thanh toán trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày giao hàng và nhận được hóa đơn tài chính, Bên B sẽ thanh toán cho Bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản*." tại phiên tòa nguyên đơn giảm thời gian tính lãi là có lợi cho bị đơn.

[6] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất 1,2%/tháng. Hội đồng xét xử thấy: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại "*Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".* Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất 14,4%/năm là trong mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường từ 16,50%/năm đến 18,75%/năm. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán là có căn cứ chấp nhận.

[7]. Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp.

[8]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 244; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 11, 24, 50, 55 và 306 của Luật Thương mại;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa đối với số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH X đối với Công ty TNHH S về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể như sau:

Buộc Công ty TNHH S thanh toán cho Công ty TNHH X số tiền: 4.259.456.104 đồng (nợ gốc 3.833.568.045 đồng và lãi suất 425.888.059 đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Công ty TNHH S phải chịu án phí sơ thẩm là 112.259.456 đồng.

3.2. Công ty TNHH X không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 56.376.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0007716 ngày 30/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi Cục THA Dân sự thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Hồng Thêm